TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BÀ RỊA
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 01/2019/KDTM-ST
Ngày 23/8/2019
V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BÀ RỊA, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Anh
Các hội thẩm nhân dân:
1. Bà Lê Thị Quỳnh Nga
2. Ông Đặng Văn Đê

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Hồ Thị Thắm – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa *tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Anh Dũng – *Kiểm sát viên.*

Ngày 23 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bà Rịa–Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2019/TLST-KDTM ngày 15/02/2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2019/QĐXXST-KDTM ngày 19/7/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2019/QĐST-KDTM ngày 05/8/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP A
Địa chỉ: quận H, Hà Nội
Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.
Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thanh T – Chức vụ Giám đốc Chi nhánh B. (Theo văn bản ủy quyền số 906/QĐ-BIDV ngày 26/11/2018).
Ủy quyền lại cho: Bà Phạm Thị D – Chức vụ Trưởng phòng KHDN hoặc ông Trần Văn H – Chức vụ Phó Trưởng phòng KHDN. Theo văn bản ủy quyền số 28/QĐ-QLRR ngày 21/01/2019 của Giám đốc Chi nhánh – Là Đại diện theo ủy quyền. (Bà D vắng mặt, ông H có mặt)
Địa chỉ: phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.
2. Bị đơn: Công ty TNHH B
Địa chỉ: phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
Người đại diện theo pháp luật: Bà Phạm Thị Tuyết H – Giám đốc (vắng mặt)
3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Trần Công T, sinh năm 1963; địa chỉ: phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngày 14/02/2015 Ngân hàng TMCP A – Chi nhánh BR (gọi tắt là Ngân hàng A) và Công ty TNHH B (gọi tắt là Công ty B) ký kết hợp đồng tín dụng số 01/2015/6928033/HDTĐ. Nội dung hợp đồng ngân hàng cho Công ty B vay số tiền 450.000.000 đồng (Bốn trăm năm mươi triệu đồng). Mục đích vay bổ sung vốn lưu động để thi công công trình, thời hạn vay là 11 tháng, lãi suất vay 10%/năm, lãi suất thả nổi điều chỉnh 03 tháng/lần theo thông báo của Ngân hàng. Lãi suất nợ quá hạn 150% lãi suất trong hạn. Thời gian thanh toán nợ gốc là ngày 14/01/2016, kỳ thanh toán lãi đầu là ngày 22/3/2015. Trường hợp lãi suất trong hạn được điều chỉnh thì lãi suất nợ quá hạn sẽ tính theo mức lãi suất trong hạn được điều chỉnh. Tổng nợ gốc, lãi và phí phải trả đến ngày 31/12/2018 là 672.593.750đ (Sáu trăm bảy mươi hai triệu năm trăm chín mươi ba nghìn bảy trăm năm mươi đồng). Trong đó nợ gốc 450.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 161.675.000 đồng, lãi quá hạn: 60.918.750 đồng.

Về tài sản đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ của hợp đồng tín dụng nêu trên là 01 (một) xe ô tô hiệu Ford Ranger, biển số 72C – A001 đứng tên bà Phạm Thị Tuyết H, theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 004935 do Phòng CSGT tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 13/02/2015. Theo Hợp đồng thế chấp bằng tài sản của bên thứ ba số 01/2015/6928033/HĐBĐ ngày 14/02/2015 được công chứng tại Phòng công chứng số 2 và đã đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

Quá trình thực hiện hiện hợp đồng phía Công ty B đã không thực hiện đúng nghĩa vụ theo thỏa thuận tại hợp đồng. Từ ngày 14/02/2015 đến thời điểm khởi kiện phía bị đơn không thanh toán bất kỳ khoản tiền nào cho Ngân hàng.

Tại bản tự khai tính lãi bổ sung và tại phiên tòa Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty B thanh toán số tiền nợ gốc là 450.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 22/8/2019 là 262.081.250 đồng (trong đó lãi trong hạn 188.000.000 đồng, lãi quá hạn 74.081.250 đồng). Tổng cộng 712.081.250 đồng.

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty B thanh toán tiền nợ gốc là 450.000.000 đồng, tổng tiền lãi tính đến ngày 22/8/2019 là 262.081.250 đồng, tổng cộng 712.081.250 đồng và tiền lãi phát sinh tiếp theo theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 01/2015/6928033/HĐTD cho đến khi thanh toán hết nợ.

Trường hợp bị đơn không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ cho Ngân hàng được thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Nếu số tiền thu được từ phát mãi tài sản không đủ để thanh toán hết khoản nợ thì ông Công ty B phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng.

Đối với bị đơn Công ty TNHH B:

Quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gửi cho Tòa án.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Công T:

Quá trình giải quyết vụ án ông T thừa nhận lời trình bày của nguyên đơn về việc ký kết hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp và việc thực hiện hợp đồng là đúng. Tại phiên tòa ông đồng ý với toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, không có ý kiến gì thêm.

Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Đối với Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 48; Thẩm quyền thụ lý đúng quy định tại Điều 35, 39; Tư cách người tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 70, 71, 72; Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát, đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196. Vụ án có vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử nhưng đã có quyết định gia hạn. Đối với Hội đồng xét xử tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng, thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ tại phiên tòa; Nguyên đơn đã chấp hành tốt các quy định tại các Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt là tự từ bỏ quyền nghĩa vụ của mình và phải chịu hậu quả pháp lý theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A – Chi nhánh BR.

Về án phí: Buộc bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào yêu cầu của đương sự và Hợp đồng tín dụng ký kết giữa Ngân hàng A – Chi nhánh BR với Công ty B đều có mục đích lợi nhuận, nay có phát sinh tranh chấp nên Tòa án xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"; Tranh chấp phát sinh từ hoạt động của Chi nhánh tại thành phố B, các bên lựa chọn Tòa án B giải quyết tranh chấp nên căn cứ các Điều 30, 35, 39 và Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Ngày 14/02/2015 Ngân hàng A – Chi nhánh BR (Ngân hàng A) và Công ty TNHH B (Công ty B) ký hợp đồng tín dụng số 01/2015/6928033/HĐTD. Do phía bị đơn không thanh toán số tiền nợ gốc là 450.000.000 đồng, tiền lãi cộng dồn tính đến ngày 22/8/2019 là 262.081.250 đồng (trong đó lãi trong hạn

188.000.000 đồng, lãi quá hạn 74.081.250 đồng) cho nguyên đơn theo như hợp đồng đã ký kết. Nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải thanh toán số tiền trên.

Tài sản bảo đảm là 01 (một) xe ô tô hiệu Ford Ranger biển số 72C – A001 đứng tên bà Phạm Thị Tuyết H. Theo Hợp đồng thế chấp bằng tài sản của bên thứ ba số 01/2015/6928033/HĐBĐ được công chứng tại Phòng công chứng số 2 và đã đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

Thực hiện hợp đồng tín dụng Công ty B đã nhận đủ số tiền vay 450.000.000 đồng (BL: 95), đến kỳ thanh toán phía Công ty không thanh toán tiền lãi và tiền gốc khi đến hạn là vi phạm Điều 7 của hợp đồng tín dụng đã ký kết. Quá trình giải quyết vụ án bị đơn không đến tòa để cung cấp chứng cứ về việc thanh toán tiền cho nguyên đơn. Căn cứ vào chứng cứ của nguyên đơn và lời khai nhận của ông T xác định các hợp đồng mà bị đơn ký kết cũng như việc thanh toán nợ như nguyên đơn trình bày, đủ cơ sở xác định số tiền gốc bị đơn còn nợ Ngân hàng là 450.000.000 đồng.

Về yêu cầu tính lãi suất thì thấy: Tại phiên tòa hôm nay đại diện Ngân hàng xác định phía Công ty còn nợ số tiền gốc vay. Tính đến ngày 22/8/2019 tổng tiền nợ lãi là 262.081.250 đồng (trong đó lãi trong hạn 188.000.000 đồng, lãi quá hạn 74.081.250 đồng). Theo thỏa thuận thì tiền lãi suất trong hạn được tính theo lãi suất 10%/năm, lãi suất quá hạn là 150% của lãi trong hạn là phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu thanh toán 450.000.000 đồng nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày 22/8/2019 là 262.081.250 đồng và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng kể từ ngày 22/8/2019 cho đến khi trả hết nợ là có cơ sở.

Từ những phân tích nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ chấp nhận toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, cần buộc bị đơn là Công ty B phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng tổng số tiền 712.081.250 đồng. Trường hợp không thanh toán được nợ thì phía nguyên đơn có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự phát mãi tài sản thế chấp để thanh toán cho khoản nợ vay.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhiều lần triệu tập bị đơn, thông báo về việc giao nộp ý kiến, giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng bị đơn đều vắng mặt. Do đó, bị đơn phải chịu hậu quả pháp lý về sự vắng mặt của mình.

[3] Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 1.000.000 đồng, số tiền này nguyên đơn đã đóng tạm ứng, vì vậy bị đơn phải có nghĩa vụ hoàn trả lại.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 20.000.000đồng + (4% x 312.081.250 đồng) = 32.483.250 đồng, hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 30, Điều 40; Điều 147; Điều 157; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Các Điều 471, Điều 474 và Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 91; Điều 94 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A về "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* đối với Công ty B.

Buộc Công ty B có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng A số tiền gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng tính đến ngày 22/8/2019 là 712.081.250 đồng. Trong đó tiền nợ gốc là 450.000.000 đồng, tiền nợ lãi là 262.081.250 đồng (trong đó lãi trong hạn 188.000.000 đồng, lãi quá hạn 74.081.250 đồng) và tiền lãi phát sinh tiếp theo kể từ ngày 22/8/2019 theo hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi trả hết nợ.

Trường hợp Công ty B không trả hoặc trả không đầy đủ số tiền nợ trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án phát mãi tài sản thế chấp là 01 (một) xe ô tô hiệu Ford Ranger biển số 72C – A001 đứng tên bà Phạm Thị Tuyết H. Theo Hợp đồng thế chấp bằng tài sản của bên thứ ba số 01/2015/6928033/HĐBĐ ngày 14/02/2015 được công chứng tại Phòng công chứng số 2 để thu hồi nợ.

(Theo biên bản thẩm định tài sản do Tòa án lập ngày 30/5/2019)

2. Về chi phí tố tụng: Buộc Công ty B phải có nghĩa vụ hoàn trả số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) cho Ngân hàng A.

3. Về án phí: Buộc Công ty B phải nộp 32.483.250 đồng (Ba mươi hai triệu bốn trăm tám mươi ba nghìn hai trăm năm mươi đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng A tiền tạm ứng án phí đã nộp là 15.451.875 đồng (Mười lăm triệu bốn trăm năm mươi mốt nghìn tám trăm bảy mươi lăm đồng) theo biên lai thu số 0009815 ngày 15/02/3019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự."

4. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các đương sự có mặt có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc

thẩm. (Người vắng mặt thì thời hạn là 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;
- VKSND thành phố B;
- Chi cục THADS thành phố B;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Lê Hoàng Anh